

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/9/2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Hoài Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Bội Hoàn**

2/ Ông **Thái Cao Bình**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Huệ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Trần Xuân Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 19/5/2022 về việc: “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Thu N** - Sinh năm: 1990

Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện C tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Phạm Anh Đ** - Sinh năm: 1990

Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2022, bản tự khai ngày 30/5/2022, nguyên đơn bà Võ Thị Thu N trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Bà Võ Thị Thu N và ông Phạm Anh Đ tự nguyện kết hôn với nhau năm 2019 và được UBND xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 140/2019 ngày 31/12/2019.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà N, ông Đ không sống chung với nhau. Sau đó, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do ông Đ không có trách nhiệm với vợ con, ông Đ đã lấy tiền bạc và vàng cưới của vợ chồng để tiêu xài cho bản thân. Bà N và ông Đ đã sống ly thân nhau từ lâu và không ai quan tâm đến ai. Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá

trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Anh Đ.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà N và ông Đ có 01 con chung là cháu Phạm Võ An N sinh ngày 09/01/2020. Hiện nay, cháu N đang sống cùng bà N. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Võ Thị Thu N đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn ông Phạm Anh Đ không chấp hành các quy định của pháp luật về tố tụng, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn cũng như về việc nuôi con, cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 05/5/2022, bà Võ Thị Thu N có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Anh Đ, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Võ Thị Thu N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Phạm Anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] *Về yêu cầu ly hôn:* Bà Võ Thị Thu N và ông Phạm Anh Đ tự nguyện kết hôn với nhau năm 2019 và được UBND xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 140/2019 ngày 31/12/2019, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn bà N và ông Đ không sống chung với nhau, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Đ không có trách nhiệm với vợ con, đã lấy toàn bộ tiền bạc, vàng cưới của vợ chồng để tiêu xài cho bản thân. Bà N và ông Đ sống ly thân nhau đã lâu, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng ông Đ vẫn cố tình vắng mặt, cho thấy thái độ bất cần, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng của ông Đ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn

nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Thu N là có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:* Bà N và ông Đ có 01 con chung là cháu Phạm Võ An N sinh ngày 09/01/2020. Hiện nay, cháu N đang ở với bà N và bà N có yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phát triển thể chất của cháu N nên chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu N cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà N không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] *Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn:* Bà N không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] *Về án phí:* Bà N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Võ Thị Thu N được ly hôn với ông Phạm Anh Đ.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

- Giao cháu Phạm Võ An N sinh ngày 09/01/2020 cho bà Võ Thị Thu N được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị Thu N không yêu cầu nên không xét.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Bà Võ Thị Thu N không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà Võ Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0009159 ngày 17/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm; bà Võ Thị Thu N đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- THADS huyện Cam Lâm;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hoài Tâm